

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Thiện;
- Ông Trần Anh Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị M**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang**.

Nơi ở hiện nay: **TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang** "có mặt".

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang** "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị **Hoàng Thị M** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn Đ** kết hôn trên cơ sở có tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại **xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang** ngày 02/01/2002. Sau khi kết hôn chị và anh **Đ** về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình nhà anh **Đ**.

Trong quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Trước đó khoảng tháng 8 năm 2020, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do anh Đ đi ăn liên hoan có uống rượu về nhà vợ chồng có cãi nhau, anh Đ có đập phá đồng hồ chị sơn cho khách dẫn đến cãi nhau do đó chị đã về mẹ đẻ ở, sau đó anh Đ và người nhà có lên nói chuyện với chị và bố mẹ chị, anh Đ xin lỗi để vợ chồng về đoàn tụ, đến tháng 01/2021 chị về đoàn tụ và chung sống cùng anh Đ. Sau khi về chung sống cùng nhau, cuộc sống hàng ngày vợ chồng chị lại xảy ra mâu thuẫn có xảy ra, xung đột đến ngày 03/9/2023, chị về bố mẹ đẻ chị ở tại **tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang** cho đến nay.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con là **Nguyễn Tuấn Đ1**, sinh ngày 08/11/2011, hiện nay con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với anh Đ. Trường hợp vợ chồng chị phải ly hôn nhau thì chị mong muốn được nuôi dưỡng cháu Đ1. Hiện nay chị đang mở xưởng mộc và buôn bán, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/ tháng, chị có nơi ở ổn định đảm bảo nuôi con tốt về mọi mặt cho con trong cuộc sống. Sau khi nghe ý kiến nguyện vọng của cháu Đ1 có nguyện vọng ở cùng bố (Điền), chị đồng ý giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh **Nguyễn Văn Đ** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị **Hoàng Thị M** trình bày là đúng.

Trong quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau vụn vặt không đáng kể trong cuộc sống điều này vợ chồng ai cũng vậy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa đến mức trầm trọng mà dẫn đến vợ chồng ly hôn. Trước đó khoảng tháng 8 năm 2020 vợ chồng có xảy ra mâu, do anh đi ăn liên hoan có uống rượu về nhà vợ chồng có mâu thuẫn, do bực tức

chuyện hôm trước, khi đi xe về có làm xước bộ bàn ghế anh không đập phá, chị M tự bỏ về bố mẹ đẻ ở, sau đó anh và người nhà có lên nói chuyện với chị M và bố mẹ chị M, anh có xin lỗi để vợ chồng về đoàn tụ, đến tháng 01/2021 vợ chồng anh về đoàn tụ, chung sống cùng nhau, sau đó vợ chồng anh lại xảy ra bất đồng, mâu thuẫn ngày 03/9/2023 chị M tự ý bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn thương yêu nhau anh không đồng ý ly hôn với chị **Hoàng Thị M**.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con là **Nguyễn Tuấn Đ1**, sinh ngày 08/11/2011, hiện nay con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với anh, anh yêu cầu nuôi con chung. Hiện nay anh làm công việc tự do thu nhập bình quân là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và công nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị **Hoàng Thị M** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ**.

Về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa chị **Hoàng Thị M** và anh **Nguyễn Văn Đ**: giao cho anh **Nguyễn Văn Đ** trực tiếp nuôi con là **Nguyễn Tuấn Đ1**, sinh ngày 08/11/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: chị **Hoàng Thị M** phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn xử lý về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh **Nguyễn Văn Đ** có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Bắc Giang**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: chị **Hoàng Thị M** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hôn nhân và gia đình với anh **Nguyễn Văn Đ** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* chị **Hoàng Thị M** và anh **Nguyễn Văn Đ** kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang** ngày 02 tháng 01 năm 2002. Do vậy hôn nhân giữa chị **M**, anh **Đ** là hôn nhân hợp pháp. Tại biên lấy lời khai, biên bản hoà giải, chị **M** và anh **Đ** đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, có xảy ra cãi nhau, chị **M** đã về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng đã sống ly thân tháng 8 năm 2020, đến tháng 01 năm 2021, chị **M** và anh **Đ** về đoàn tụ, sau khi vợ chồng đoàn tụ lại có mâu thuẫn xảy ra nên ngày 03/9/2023 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, do vậy đây là tình tiết mà các đương sự thừa nhận không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Chị **Hoàng Thị M** xin ly hôn, anh **Nguyễn Văn Đ** không đồng ý ly hôn, tuy nhiên từ những phân tích nêu trên, xét thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng chị **M** và anh **Đ** đã sống ly thân lần thứ hai, đến nay chị **M** giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh **Đ**, nên cần xử cho chị **Hoàng Thị M** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ** là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, vợ chồng chị **Hoàng Thị M**, anh **Nguyễn Văn Đ** có 01 con là **Nguyễn Tuấn Đ1**, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2011, hiện con khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng anh **Đ**, tại phiên tòa chị **M** và anh **Đ** thoả thuận: giao cho anh **Nguyễn Văn Đ** trực tiếp nuôi con là **Nguyễn Tuấn Đ1**, sinh ngày 08/11/2011 là tự nguyện, không vi

phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và công nợ*: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Hoàng Thị M** phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị **Hoàng Thị M** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ**.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa chị **Hoàng Thị M** và anh **Nguyễn Văn Đ**: giao cho anh **Nguyễn Văn Đ** trực tiếp nuôi con là **Nguyễn Tuấn Đ1**, sinh ngày 08/11/2011.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị **Hoàng Thị M** được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị **M** thực hiện quyền này.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị **Hoàng Thị M** phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ chị **M** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006575 ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã Hợp Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thị Hương Giang

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Dũng

Trần Văn Thiện

Vi Thị Hương Giang

